



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 65

Ngày 15 tháng 11 năm 2013

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 31-10-2013 - Chỉ thị số 17/2013/CT-UBND về việc triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 3

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

- 06-11-2013 - Quyết định số 02/2013/QĐ-UBND về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 6. 8

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

- 06-02-2013 - Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND về công bố văn bản hết hiệu lực thi hành. 10

- 22-10-2013 - Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định về nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ. 13

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- 24-10-2013 - Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trên địa bàn huyện Hóc Môn. 20

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 25-10-2013 - Quyết định số 5818/QĐ-UBND phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015. 27
- 11-11-2013 - Quyết định số 6039/QĐ-UBND về phân công công tác các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2011 - 2016. 47

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2013/CT-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2013

CHỈ THỊ

Về việc triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Luật Xử lý vi phạm hành chính đã được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 (trừ các quy định liên quan đến việc áp dụng các biện pháp xử lý vi phạm hành chính do Tòa án nhân dân xem xét, quyết định có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014). Để triển khai thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 24/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2013 về việc thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính, đồng thời Chính phủ cũng đã có chỉ đạo liên quan đến việc thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính tại Nghị quyết số 83/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2013 về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 6 năm 2013. Ngày 19 tháng 7 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Nhằm triển khai thực hiện hiệu quả các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nêu trên, tăng cường trách nhiệm của các cơ quan trong việc thực hiện xử lý vi phạm hành chính, giữ vững trật tự, kỷ cương, bảo đảm quyền và nghĩa vụ hợp pháp của tổ chức, cá nhân, bảo đảm hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị:

1. Nhiệm vụ chung:

Thủ trưởng các Sở - ban, ngành và cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm:

a) Triển khai tuyên truyền, phổ biến Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản pháp luật có liên quan bằng các hình thức và biện pháp thích hợp để cán bộ, công chức, viên chức, nhân dân hiểu rõ, thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

b) Thực hiện việc xử lý vi phạm hành chính theo các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành. Trong khi các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính chưa được ban hành hoặc đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực thi hành, tiếp tục áp dụng quy định tại các Nghị định hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính nếu không trái với quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

c) Xây dựng cơ sở vật chất, kiện toàn tổ chức, bố trí cán bộ, công chức chuyên trách thực hiện việc tham mưu về công tác xử lý vi phạm hành chính.

d) Thực hiện lưu trữ và thống kê về xử lý vi phạm hành chính theo quy định. Cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính cho Sở Tư pháp để phục vụ công tác xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính.

đ) Chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp, các cơ quan liên quan đề tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các mẫu biên bản, quyết định phù hợp để sử dụng trong phạm vi thành phố theo các biểu mẫu biên bản, mẫu quyết định ban hành kèm theo Nghị định số 81/2013/NĐ-CP.

e) Kịp thời tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, những quy định về xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn; kiến nghị làm đề xuất xử lý cụ thể gửi Sở Tư pháp để rà soát, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, xử lý theo thẩm quyền.

g) Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính của cơ quan, đơn vị định kỳ 6 tháng và hàng năm, gửi Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

2. Trách nhiệm của Thủ trưởng các Sở - ban, ngành và cơ quan chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Phối hợp với Sở Tư pháp trong việc tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý nhà nước công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 17 Luật Xử lý vi phạm hành chính và Chương II Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính.

b) Xác định nhu cầu kinh phí, lập dự toán và phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và bố trí kinh phí hàng năm để đảm bảo cho công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và công tác xử lý vi phạm hành chính.

c) Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình, chủ trì, phối hợp với Sở Tư pháp, các cơ quan liên quan tham mưu đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố về mức phạt áp dụng trong khu vực nội thành đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ; bảo vệ môi trường; an ninh trật tự, an toàn xã hội để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định, ban hành.

3. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Tư pháp:

a) Tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

b) Rà soát, tổng hợp báo cáo đề xuất những khó khăn, vướng mắc hoặc những quy định xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, xử lý theo thẩm quyền.

c) Phổ biến pháp luật, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

d) Tổng hợp báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của thành phố để Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Bộ Tư pháp theo quy định.

đ) Trên cơ sở quy định của Chính phủ và theo hướng dẫn của Bộ Tư pháp, chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan liên quan xây dựng Đề án cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa phương trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và triển khai thực hiện việc xây dựng, quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

e) Phối hợp các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các mẫu biên bản, quyết định phù hợp để sử dụng trong phạm vi thành phố.

g) Xác định nhu cầu kinh phí, lập dự toán và phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và bố trí kinh phí hàng năm để bảo đảm thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện quản lý nhà nước về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

4. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Tài chính:

a) Hướng dẫn Sở Tư pháp và các đơn vị lập dự toán ngân sách để đảm bảo kinh phí phục vụ công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và tổ chức triển khai thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

b) Hướng dẫn Phòng Tài chính - Kế hoạch quận, huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng dự toán, bảo đảm kinh phí cho công tác quản lý nhà nước về thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và tổ chức triển khai thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

5. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Nội vụ:

Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về biên chế bảo đảm thực hiện nhiệm vụ về xử lý vi phạm hành chính theo quy định trên cơ sở đề xuất của Thủ trưởng các cơ quan.

6. Trách nhiệm của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Chỉ đạo việc đưa tin, tuyên truyền, phổ biến về Luật Xử lý vi phạm hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành trên các phương tiện thông tin đại chúng.

b) Phối hợp Sở Tư pháp trong việc xây dựng Đề án về Xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính trong phạm vi địa phương trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và triển khai thực hiện việc xây dựng cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

7. Trách nhiệm của Giám đốc Công an thành phố:

Chủ trì, phối hợp Sở Tư pháp và các cơ quan liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố về mức phạt áp dụng trong khu vực nội thành đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ; an ninh trật tự, an toàn xã hội để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định.

8. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện:

a) Theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật về xử lý vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

b) Phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

c) Bảo đảm kinh phí cho công tác xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

9. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn:

a) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc, những nội dung quy định về xử lý vi phạm hành chính không khả thi, không phù hợp với thực tiễn hoặc chồng chéo, mâu thuẫn, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Tư pháp) kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn, xử lý theo thẩm quyền.

b) Thực hiện lưu trữ và thống kê về xử lý vi phạm hành chính theo quy định. Cung cấp thông tin về xử lý vi phạm hành chính cho Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp vào cơ sở dữ liệu về xử lý vi phạm hành chính của thành phố.

c) Báo cáo công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trên địa bàn định kỳ 6 tháng và hàng năm, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định.

d) Bảo đảm kinh phí cho công tác xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

10. Chỉ thị này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở - ban, ngành và các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, phường - xã, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Chỉ thị này. Trong quá trình triển khai thực hiện Chỉ thị này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Tư pháp để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết theo quy định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 6****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2013/QĐ-UBND

*Quận 6, ngày 06 tháng 11 năm 2013***QUYẾT ĐỊNH****Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động
của Phòng Nội vụ quận 6**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 6

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 04/2011/TT-BNV ngày 10 tháng 02 năm 2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn bổ sung nhiệm vụ, tổ chức và biên chế của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện về công tác thanh niên;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND-NV ngày 19 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 6 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 6;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ quận 6 tại Tờ trình số 787/TTr-NV ngày 21 tháng 10 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay sửa đổi, bổ sung Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 6 ban hành kèm theo Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND-NV ngày 19 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 6, như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2, Điều 1 như sau:

Phòng Nội vụ quận có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: tổ chức, biên chế các cơ quan hành chính, sự nghiệp Nhà nước; cải cách hành chính; chính quyền địa phương; địa giới hành chính; cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước; cán bộ, công chức phường; hội, tổ chức phi chính phủ; văn thư, lưu trữ nhà nước; tôn giáo; thi đua khen thưởng; công tác thanh niên.

2. Bổ sung Khoản 21 Điều 2 như sau:

21. Về công tác thanh niên:

a) Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành quyết định, chỉ thị; quy hoạch, kế hoạch dài hạn, năm năm, hàng năm; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác thanh niên được giao;

b) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch về thanh niên và công tác thanh niên sau khi được phê duyệt;

c) Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về thanh niên và công tác thanh niên được giao.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 7 (bảy) ngày, kể từ ngày ký. Các nội dung không đề cập tại Quyết định này vẫn giữ nguyên theo Quyết định số 03/2009/QĐ-UBND-NV ngày 19 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 6 về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Nội vụ quận 6.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận 6, Trưởng phòng Nội vụ quận 6, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Thành Luông

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2013/QĐ-UBND

Quận 12, ngày 06 tháng 02 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH
về công bố văn bản hết hiệu lực thi hành**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 91/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tư pháp tại Tờ trình số 15/TTr-TP ngày 01 tháng 02 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công bố Quyết định số 02/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 03 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc ban hành Quy định tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Quận 12 hết hiệu lực thi hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 (bảy) ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Quận 12, Thủ trưởng các phòng,

ban, đơn vị liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Hồ

DANH MỤC
VĂN BẢN HẾT HIỆU LỰC THI HÀNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 05/2013/QĐ-UBND
ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Quận 12)

STT	Số hiệu văn bản	Ngày ban hành	NỘI DUNG VĂN BẢN	Ghi chú
01	02/2009/QĐ-UBND	03/3/2009	Quyết định về việc ban hành Quy định tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Quận 12	Công bố hết hiệu lực

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38/2013/QĐ-UBND

Quận 12, ngày 22 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định về nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 76/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009; Nghị định số 14/2012/NĐ-CP ngày 07 tháng 3 năm 2012 và Nghị định số 17/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 08/2013/TT-BNV ngày 31 tháng 7 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện chế độ nâng bậc lương thường xuyên và nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Nội vụ tại Tờ trình số 298/TTr-NV ngày 10 tháng 10 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm Quyết định này Quy định về nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 07 tháng 3 năm 2008 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc ban hành Quy định về nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Hồ

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Về nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức
lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 38/2013/QĐ-UBND
ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Quận 12)*

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đây là quy định về chế độ nâng bậc lương trước thời hạn đối với cán bộ, công chức, viên chức lập thành tích xuất sắc, tiêu biểu trong thực hiện nhiệm vụ, nhằm động viên cán bộ, công chức, viên chức thi đua lao động sáng tạo, có sáng kiến cải tiến lề lối làm việc, phân đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

Điều 2. Đối tượng

1. Cán bộ, công chức, viên chức xếp lương theo bảng lương chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành phục vụ theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ trong các cơ quan quản lý hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp.

2. Những người làm việc theo chế độ hợp đồng quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về việc thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính.

3. Cán bộ, công chức phường giữ các chức vụ, chức danh tại Điều 3, Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; đã được xếp lương như công chức hành chính theo quy định tại Điều 5, Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ hoặc đã được bổ nhiệm ngạch công chức hành chính.

4. Đối tượng không áp dụng

a) Cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật hoặc không hoàn thành nhiệm vụ trong thời gian giữ bậc lương hoặc đang bị đề nghị xem xét kỷ luật theo quy định;

b) Cán bộ giữ chức danh lãnh đạo thuộc diện hưởng lương theo bảng lương chức vụ đã được xếp lương theo nhiệm kỳ;

c) Cán bộ, công chức, viên chức đã xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch đang giữ hoặc đang hưởng phụ cấp thâm niên vượt khung;

d) Cán bộ thường là người đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động quy định tại Điểm c Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP và Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2009/NĐ-CP.

e) Công chức phường chưa tốt nghiệp đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP.

Điều 3. Điều kiện, tiêu chuẩn chung

1. Cán bộ, công chức, viên chức, những người lao động hợp đồng quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 2 của Quy định này lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền khen thưởng, tôn vinh, đánh giá (quyết định công nhận bằng văn bản).

2. Chưa xếp bậc lương cuối cùng trong ngạch hoặc trong chức danh và tính đến ngày 31 tháng 12 của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn còn thiếu từ 12 tháng trở xuống để được nâng bậc lương thường xuyên thì được xét nâng một bậc lương trước thời hạn tối đa là 12 tháng so với thời gian nâng bậc lương thường xuyên theo quy định.

3. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ trong một năm không quá 10% tổng số cán bộ, công chức, viên chức trong danh sách trả lương của cơ quan, đơn vị.

Riêng các cơ quan, đơn vị có tổng số cán bộ, công chức, viên chức trong danh sách trả lương từ 10 người trở xuống thì được đề xuất 01 người.

4. Không thực hiện hai lần liên tiếp nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ trong cùng ngạch hoặc cùng chức danh.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Tiêu chuẩn cụ thể về lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức để làm căn cứ xét nâng bậc lương trước thời hạn như sau:

1. Xét nâng bậc lương trước thời hạn 12 tháng đối với các ngạch và các chức danh có trình độ từ cao đẳng trở lên khi đạt các thành tích sau:

- Được khen thưởng bằng các hình thức Huân, Huy chương các loại; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của cấp Bộ;

- Được phong tặng Anh hùng lao động, được Nhà nước trao tặng danh hiệu vinh dự;

- Đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua toàn quốc, Chiến sĩ thi đua cấp Bộ, ngành;

- Đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp thành phố;

- Được tặng Bằng khen của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Xét nâng bậc lương trước thời hạn 9 tháng đối với các ngạch và các chức danh có trình độ từ cao đẳng trở lên và 6 tháng đối với các ngạch và các chức danh có trình độ từ trung cấp trở xuống khi đạt danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở.

Điều 5. Nguyên tắc thực hiện

1. Đảm bảo tính công bằng, dân chủ, công khai và đoàn kết.

2. Thực hiện đúng các điều kiện, tiêu chuẩn được quy định tại Điều 3 của Quy định này. Không nhất thiết phải đề nghị cho đủ chỉ tiêu hoặc không nhất thiết năm nào cũng có người được đề nghị nâng bậc lương trước thời hạn.

3. Mỗi thành tích chỉ được tính một lần để xét nâng bậc lương trước thời hạn.

Thành tích để xét nâng bậc lương trước thời hạn được xác định theo thời điểm ban hành quyết định công nhận thành tích đạt được trong khoản thời gian 6 năm gần nhất đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ cao đẳng trở lên và 4 năm gần nhất đối với các ngạch và các chức danh có yêu cầu trình độ đào tạo từ trung cấp trở xuống tính đến ngày 31 tháng 12 của năm xét nâng bậc lương trước thời hạn.

4. Nếu có nhiều cán bộ, công chức, viên chức ngang nhau về cấp độ thành tích theo quy định pháp luật về thi đua - khen thưởng thì thứ tự ưu tiên đề nghị và xem xét quyết định như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức ngoài thành tích cao nhất được phong tặng, tặng thưởng đã xét còn có thành tích khác cũng được phong tặng, tặng thưởng (cách phân thứ bậc của hình thức khen thưởng được thực hiện theo Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản hướng dẫn);

b) Cán bộ, công chức, viên chức ngoài chuyên môn, nghiệp vụ chuyên trách còn kiêm nhiệm công tác đảng, đoàn thể của cơ quan, đơn vị;

c) Thứ tự ưu tiên về tuổi đời: ưu tiên người có tuổi đời ít hơn;

d) Thứ tự ưu tiên về giới tính: ưu tiên người có giới tính nữ;

đ) Thứ tự ưu tiên theo chức vụ: người không giữ chức vụ, người có hệ số phụ cấp chức vụ thấp đến người có phụ cấp chức vụ cao hơn;

e) Thứ tự ưu tiên theo loại công chức, hạng chức danh nghề nghiệp viên chức: ưu tiên loại, hạng thấp đến loại, hạng cao hơn.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 6. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phối hợp với Chủ tịch (hoặc Tổ trưởng) Công đoàn cùng cấp phổ biến Quy định này đến cán bộ, công chức, viên chức và Quy định này phải được công khai trong cơ quan, đơn vị.

Điều 7. Quy trình thực hiện

1. Khi có thông báo bằng văn bản của Phòng Nội vụ, các cơ quan, đơn vị tổ chức cho tập thể bình chọn những người đủ điều kiện, tiêu chuẩn; số lượng, tỷ lệ phải đúng với quy định tại Khoản 3, Điều 3 của Quy định này;

2. Sau khi có kết quả bình chọn của cơ quan, đơn vị; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có văn bản kèm theo: Biên bản họp cơ quan, đơn vị; Danh sách cán bộ, công chức, viên chức được nâng bậc lương trước thời hạn; bản sao Quyết định lương hiện hưởng và bản sao văn bản, giấy chứng minh thành tích (quyết định, bằng khen, giấy chứng nhận,...) gửi về Phòng Nội vụ;

Kết quả xét chọn của cơ quan, đơn vị phải được thông báo công khai trong cơ quan, đơn vị.

3. Sau khi nhận hồ sơ do các cơ quan, đơn vị gửi, Phòng Nội vụ có trách nhiệm:

a) Thẩm định trình Hội đồng lương quận xem xét, quyết định;

b) Thông báo kết quả xét chọn của Hội đồng lương quận đến các cơ quan, đơn vị;

c) Lập hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thực hiện thủ tục nâng bậc lương trước thời hạn theo thẩm quyền được Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp và hướng dẫn của Sở Nội vụ.

4. Sau khi có kết quả xét chọn của Hội đồng lương quận, thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải thông báo công khai kết quả xét nâng bậc lương trước thời hạn để cán bộ, công chức, viên chức biết.

Điều 8. Hội đồng lương quận do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận thành lập, có trách nhiệm xem xét, thẩm định, đề xuất những trường hợp đủ điều kiện nâng bậc lương trước thời hạn theo quy định này và các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước, đảm bảo đúng tỷ lệ để cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 9. Phòng Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, thông báo việc xét nâng bậc lương trước thời hạn hàng năm cho các cơ quan, đơn vị;

Có trách nhiệm rà soát, thẩm định hồ sơ trước khi trình Hội đồng lương quận xem xét, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định theo thẩm quyền.

Điều 10. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Phòng Nội vụ để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân quận xem xét, quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Ngọc Hồ

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2013/QĐ-UBND

*Hóc Môn, ngày 24 tháng 10 năm 2013***QUYẾT ĐỊNH****Ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin
cho báo chí trên địa bàn huyện Hóc Môn****ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Nghị định số 51/2002/NĐ-CP ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Báo chí, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí;

Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 32/2013/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Văn phòng UBND huyện Hóc Môn tại Tờ trình số 341/TTr-VP ngày 17 tháng 10 năm 2013 và ý kiến thẩm định của Phòng Tư pháp tại công văn số 410/TP ngày 21 tháng 10 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trên địa bàn huyện Hóc Môn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 07 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin, Thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Văn Thị Bạch Tuyết

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trên địa bàn huyện Hóc Môn

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định về chế độ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của các cơ quan hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn.

Điều 2. Người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí

1. Người phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của cơ quan hành chính nhà nước gồm:

a) Người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước;

b) Người được người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước giao nhiệm vụ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí thường xuyên (sau đây gọi là Người phát ngôn);

Họ tên, chức vụ, số điện thoại và địa chỉ e-mail của Người phát ngôn phải được công bố bằng văn bản gửi các cơ quan báo chí và phải được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử hoặc trang tin điện tử của cơ quan theo hướng dẫn.

c) Trong trường hợp cần thiết, người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước có thể ủy quyền cho người có trách nhiệm thuộc cơ quan mình phát ngôn (sau đây gọi chung là Người được ủy quyền phát ngôn) hoặc phối hợp cùng Người phát ngôn để phát ngôn hoặc cung cấp thông tin cho báo chí về những vấn đề cụ thể được giao;

Người phát ngôn quy định tại Điểm b Khoản này nếu đi vắng mà không thể thực hiện phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí thì phải báo cáo để Người đứng đầu cơ quan hành chính ủy quyền cho người có trách nhiệm thuộc cơ quan mình thực hiện việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí;

Việc ủy quyền phát ngôn được thực hiện bằng văn bản, chỉ áp dụng trong từng vụ việc và có thời hạn nhất định;

Khi thực hiện ủy quyền thì họ tên, chức vụ, số điện thoại và địa chỉ e-mail của Người được ủy quyền phát ngôn, văn bản ủy quyền phải được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử hoặc trang tin điện tử của cơ quan hành chính nhà nước trong thời hạn 12 giờ kể từ khi ký văn bản ủy quyền.

2. Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều này không được ủy quyền tiếp cho người khác.

3. Người phát ngôn hoặc Người được ủy quyền phát ngôn theo Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều này phải bảo đảm các tiêu chuẩn sau:

a) Là cán bộ, công chức thuộc biên chế chính thức và đang công tác tại cơ quan hành chính nhà nước;

b) Có lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, có thái độ trung thực, khách quan;

c) Có am hiểu sâu về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và lĩnh vực quản lý của cơ quan hành chính nhà nước mà mình đang công tác; có hiểu biết nhất định về lĩnh vực báo chí, nắm vững các quy định pháp luật về báo chí;

d) Có năng lực phân tích, tổng hợp, xử lý thông tin báo chí và có khả năng giao tiếp với báo chí.

4. Các cá nhân của cơ quan hành chính nhà nước được cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định pháp luật nhưng không được nhân danh cơ quan hành chính nhà nước để phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí; không được tiết lộ bí mật điều tra, bí mật công vụ, thông tin sai sự thật; trung thực khi cung cấp thông tin cho báo chí và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã cung cấp.

Chương II

PHÁT NGÔN VÀ CUNG CẤP THÔNG TIN CHO BÁO CHÍ

Điều 3. Phát ngôn và cung cấp thông tin định kỳ

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện chủ trì, phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân huyện có liên quan tổ chức cung cấp thông tin cho báo chí về hoạt động và công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân huyện khi các cơ quan báo chí có nhu cầu trao đổi thông tin và đăng tải trên Trang tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện.

Tổ Tin học của Ủy ban nhân dân huyện có trách nhiệm cập nhật thông tin trên Trang điện tử của Ủy ban nhân dân huyện theo các quy định hiện hành để cung cấp kịp thời, chính xác thông tin chính thống cho các cơ quan báo chí.

Điều 4. Phát ngôn và cung cấp thông tin trong trường hợp đột xuất, bất thường

Người phát ngôn hoặc Người được ủy quyền phát ngôn có trách nhiệm phát ngôn và cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho báo chí trong các trường hợp đột xuất, bất thường sau đây:

1. Khi thấy cần thiết phải thông tin trên báo chí về các sự kiện, vấn đề quan trọng, có tác động lớn trong xã hội trên địa bàn huyện thuộc phạm vi quản lý của cơ quan mình nhằm định hướng và cảnh báo kịp thời trong xã hội; về quan điểm và cách xử lý của huyện, của các cơ quan hành chính nhà nước có liên quan đối với các sự kiện, vấn đề đó.

Trường hợp xảy ra vụ việc cần có ngay thông tin ban đầu của cơ quan hành chính nhà nước thì Người phát ngôn hoặc Người được ủy quyền phát ngôn có trách nhiệm chủ động phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí trong thời gian chậm nhất là một (01) ngày, kể từ khi vụ việc xảy ra.

2. Khi cơ quan báo chí hoặc cơ quan chỉ đạo, quản lý nhà nước về báo chí có yêu cầu phát ngôn hoặc cung cấp thông tin về các sự kiện, vấn đề của cơ quan, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của cơ quan đã được nêu trên báo chí hoặc về các sự kiện, vấn đề nêu tại Khoản 1 Điều này.

3. Khi có căn cứ cho rằng báo chí đăng tải thông tin sai sự thật về lĩnh vực, địa bàn do cơ quan mình quản lý, Người phát ngôn hoặc Người được ủy quyền phát ngôn yêu cầu cơ quan báo chí đó phải đăng tải ý kiến phản hồi, cải chính theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước trong việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí

1. Người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước là Người phát ngôn có thể trực tiếp phát ngôn hoặc giao nhiệm vụ, ủy quyền cho người thuộc cơ quan hành chính phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định tại Điểm b, Điểm c Khoản 1 Điều 2 Quy chế này.

2. Người đứng đầu chịu trách nhiệm về việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí của cơ quan hành chính nhà nước kể cả trong trường hợp ủy quyền cho người khác phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

3. Người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước tổ chức chỉ đạo việc chuẩn bị các thông tin và chế độ phát ngôn của cơ quan mình.

4. Người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước xem xét hỗ trợ kinh phí cho Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn của cơ quan mình để thực hiện việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

Điều 6. Quyền và trách nhiệm của người phát ngôn, người được ủy quyền phát ngôn

1. Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn được nhân danh đại diện cơ quan hành chính nhà nước phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.

2. Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn có quyền yêu cầu các đơn vị, cá nhân có liên quan trong cơ quan mình cung cấp thông tin, tập hợp thông tin để phát ngôn, cung cấp thông tin định kỳ, đột xuất cho báo chí theo quy định tại Điều 3, Điều 4 của Quy chế này; để trả lời các phản ánh, kiến nghị, phê bình, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, công dân do cơ quan báo chí chuyển đến hoặc đăng, phát trên báo chí theo quy định của pháp luật. Các phòng, ban, Công an, Quân sự huyện; UBND các xã - thị trấn khi có yêu cầu cung cấp thông tin liên quan của Người phát ngôn hoặc Người được ủy quyền phát ngôn, thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu chính xác, kịp thời trong thời gian 01 ngày; trường hợp phức tạp không quá 03 ngày.

3. Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn có trách nhiệm từ chối, không phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trong các trường hợp sau:

a) Những vấn đề thuộc bí mật nhà nước; những vấn đề bí mật thuộc nguyên tắc và quy định của Đảng; những vấn đề không thuộc quyền hạn phát ngôn;

b) Các vụ án đang được điều tra hoặc chưa xét xử, trừ trường hợp các cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan điều tra có yêu cầu cần thông tin trên báo chí những vấn đề có lợi cho hoạt động điều tra và công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm;

c) Các vụ việc đang trong quá trình thanh tra; nghiên cứu giải quyết khiếu nại, tố cáo; những vấn đề tranh chấp, mâu thuẫn giữa các cơ quan, đơn vị nhà nước đang trong quá trình giải quyết, chưa có kết luận chính thức của người có thẩm quyền mà theo quy định không được cung cấp thông tin cho báo chí;

d) Những văn bản chính sách, đề án đang trong quá trình soạn thảo mà theo quy định của pháp luật chưa được cấp có thẩm quyền cho phép phổ biến.

4. Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn có trách nhiệm phát ngôn

và cung cấp thông tin cho báo chí theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy chế này và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước về nội dung phát ngôn và thông tin cung cấp cho báo chí.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan báo chí, nhà báo

Cơ quan báo chí, nhà báo có trách nhiệm đăng, phát, phản ánh trung thực nội dung phát ngôn và thông tin do Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn cung cấp; đồng thời, phải ghi rõ họ tên Người phát ngôn hoặc Người được ủy quyền phát ngôn, tên cơ quan hành chính nhà nước của Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn. Trường hợp cơ quan báo chí đăng, phát đúng nội dung thông tin mà Người phát ngôn, Người được ủy quyền phát ngôn cung cấp thì không phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin đó.

Điều 8. Xử lý vi phạm

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan không thực hiện, thực hiện không đúng hoặc thực hiện không đầy đủ các quy định trong Quy chế này thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Thủ trưởng các cơ quan hành chính nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân huyện triển khai thực hiện đúng các quy định đã được nêu trong Quy chế này.

Điều 10. Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc và kiểm tra các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện và các cơ quan báo chí thực hiện Quy chế; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện cho Ủy ban nhân dân huyện./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Văn Thị Bạch Tuyết

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5818/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Trung Lập Thượng,
huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2008 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2009/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 8 năm 2009 của Bộ

Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 10/2009/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Kế hoạch của Ủy ban nhân dân Thành phố thực hiện Chương trình hành động Thành ủy về nông nghiệp, nông dân, nông thôn theo Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X;

Căn cứ Quyết định số 5930/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt “Quy hoạch sản xuất nông nghiệp phát triển nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025”;

Căn cứ Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

Xét Tờ trình số 48/TTr-BQL ngày 14 tháng 8 năm 2013 của Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi về việc phê duyệt Đề án Nông thôn mới xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015, có ý kiến phê duyệt của Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi; ý kiến thẩm định và khảo sát thực tế của Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố tại Thông báo số 406/TB-TCT-PTNT ngày 17 tháng 12 năm 2012 và Thông báo số 177/TB-TCT ngày 04 tháng 7 năm 2013; ý kiến đề xuất của Liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 1586/TTr-NNPTNT-KHĐT-TC ngày 20 tháng 8 năm 2013 về phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, giai đoạn 2013 - 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay phê duyệt Đề án nông thôn mới xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015 (*theo nội dung đề án đính kèm*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có phát sinh thay đổi về cơ chế, chính sách đầu tư xã nông thôn mới, Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố phối hợp với Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung Lập Thượng nghiên cứu, đề xuất kịp thời điều chỉnh, bổ sung.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải và các Sở, ngành liên quan; Trưởng Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Trưởng Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung Lập Thượng và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Thượng - huyện Củ Chi có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ ÁN

**Xây dựng nông thôn mới xã Trung Lập Thượng,
huyện Củ Chi giai đoạn 2013 - 2015**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 5818/QĐ-UBND
ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Phần 1

THỰC TRẠNG NÔNG THÔN XÃ TRUNG LẬP THƯỢNG, HUYỆN CỦ CHI

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - DÂN SỐ LAO ĐỘNG

1. Điều kiện tự nhiên

Xã Trung Lập Thượng nằm ở phía Bắc của huyện Củ Chi có tổng diện tích tự nhiên 2.322,65 ha, chiếm 5,34% diện tích tự nhiên toàn huyện.

Có vị trí tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông Bắc giáp xã Phú Mỹ Hưng;
- + Phía Nam giáp xã Phước Thạnh;
- + Phía Tây giáp tỉnh Tây Ninh;
- + Phía Đông, Đông Nam giáp xã An Nhơn Tây, Trung Lập Hạ.

Xã được chia thành 8 ấp: Lào Táo Thượng, Vân Hàn, Trung Hưng, Trung Bình, Ràng, Trung Hiệp Thạnh, Đồng Lớn, Sa Nhỏ.

Diện tích đất sản xuất nông nghiệp là 2002,78 ha chiếm 98,74% diện tích đất nông nghiệp của xã (trong đó đất trồng cây hàng năm là 1.524,85 ha, chiếm 76,14% diện tích đất sản xuất nông nghiệp, đất trồng cây lâu năm là 477,93 ha, chiếm 23,86%).

2. Dân số

Dân số toàn xã là 12.890 nhân khẩu, trong đó: nam 6.419 người (chiếm 49,8%), nữ 6.471 người (chiếm 50,2%). Mật độ dân số bình quân là 483 người/km².

Lực lượng lao động của xã khá dồi dào, lao động trong độ tuổi: 6.950 lao động, gồm: lao động nông nghiệp 3.475 lao động (50%), lao động công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: 2.849 lao động (41%), lao động thương mại - dịch vụ: 626 lao động (9%).

II. ĐIỀU KIỆN KINH TẾ XÃ HỘI

1. Quy hoạch

a) Quy hoạch sử dụng đất

Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi đã phê duyệt quy hoạch sử dụng đất chi tiết đến năm 2010, nay cần điều chỉnh bổ sung quy hoạch sử dụng đất chi tiết năm 2020.

b) Quy hoạch phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội môi trường; khu dân cư mới: chưa thực hiện.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội

a) Giao thông

Hiện tại trên địa bàn xã có các tuyến đường giao thông, tổng chiều dài 123,67 km, trong đó:

- Đường trục xã, liên xã: 20,37/20,37km, 100% đã được thi công nhựa hóa;
- Đường trục ấp, liên ấp: 23,3km, trong đó đã được nhựa hóa, cứng hóa 4,92 km (21,11%);
- Đường ngõ, xóm: 51km, trong đó đi lại thuận lợi 41,301/51km (80,98%);
- Đường giao thông nội đồng: 29 km, trong đó đi lại thuận lợi 14,58/29 km (50,28%).

b) Thủy lợi

Xã có hệ thống kênh Đông Củ Chi cung cấp nước, đáp ứng tốt cho sản xuất và sinh hoạt của người dân. Hệ thống thủy lợi đã đạt tiêu chí. Tuy nhiên, để tiếp tục phục vụ tốt cho nhu cầu sản xuất của người dân cần duy tu, nạo vét và gia cố kết hợp các tuyến kênh trọng điểm.

c) Điện

Xã có 50 trạm biến áp, hệ thống đường dây hạ thế dài 56,528 km, tỷ lệ hộ dân có điện phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất 100%.

d) Trường học

- Trường mầm non: xã có một trường mầm non Trung Lập Thượng (2 phân

hiệu), trong đó phân hiệu tại ấp Lào Táo Thượng đã đạt chuẩn và phân hiệu ấp Trung Bình chưa đạt chuẩn.

- Trường tiểu học: xã có một trường tiểu học Trung Lập Thượng đang xây dựng.

- Trường trung học cơ sở: xã có 1 trường trung học cơ sở Trung Lập đạt chuẩn quốc gia.

- Trường phổ thông: xã có 1 trường trung học phổ thông Trung Lập đạt chuẩn quốc gia.

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Số nhà văn hóa xã, ấp: trên địa bàn xã chưa có nhà văn hóa cấp xã, có 5 văn phòng ấp chưa phục vụ tốt nhu cầu hội họp của người dân.

- Khu thể thao của xã, ấp: Hiện tại xã chưa có khu thể thao.

e) Chợ

Trên địa bàn xã có 1 chợ nông thôn không đạt chuẩn.

g) Bưu điện

- Xã chưa có bưu điện văn hóa xã, hiện người dân đang sử dụng bưu điện văn hóa của huyện nằm trên địa bàn xã (ấp Trung Bình).

- Hiện tại xã có 01 đài truyền thanh nhưng chưa đạt chuẩn.

h) Nhà ở dân cư nông thôn

Theo thống kê hiện nay, toàn xã không còn nhà tạm và dột nát. Tỷ lệ nhà kiên cố và bán kiên cố 100%.

3. Thực trạng kinh tế và tổ chức sản xuất

a) Kinh tế

- Cơ cấu kinh tế của xã theo hướng: Nông nghiệp: 84%; Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: 12%; Thương mại - dịch vụ: 4%.

- Thu nhập bình quân đầu người: 17,11 triệu đồng/người/năm.

b) Hộ nghèo

- Tỷ lệ hộ nghèo: theo tiêu chí thành phố dưới 12 triệu đồng/người/năm là 366 hộ, chiếm 12,2% tổng số hộ toàn xã.

- Công tác chăm lo đời sống, thực hiện các chính sách xã hội: Tổ chức nhiều

hoạt động chăm lo đến đời sống diện hộ nghèo, đã thu hút được sự quan tâm của toàn xã hội.

c) Tỷ lệ lao động có việc làm

- Cơ cấu lao động (%) theo các ngành nông nghiệp (85%), công nghiệp (10 %), dịch vụ (5%).

- Tỷ lệ lao động có việc làm: 88,58% (6.156/6.950 LĐ).

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo 2.502 lao động (36%).

d) Hình thức tổ chức sản xuất

- Toàn xã có 17 doanh nghiệp và 204 hộ kinh doanh cá thể.

- Có 2 tổ hợp tác làm ăn có hiệu quả: 1 tổ hợp tác lúa, 1 tổ hợp tác rau an toàn.

4. Văn hóa, xã hội và môi trường

a) Giáo dục

- Về công tác phổ cập giáo dục: Công tác phổ cập chống mù chữ năm 2012, cụ thể:

+ Tỷ lệ phổ cập giáo dục trung học là 81%.

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp Trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, học nghề) trong năm 2012 là 95%.

+ Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 36% (2.502 lao động).

+ Tỷ lệ phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ dưới 5 tuổi: 100%.

- Xóa mù chữ theo quy định của ngành giáo dục đào tạo: Đạt.

b) Y tế

Trạm y tế: xã có 1 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia.

- Tỷ lệ người dân tham gia các hình thức bảo hiểm y tế: 79,3% (10.221/12.890 người).

c) Văn hóa

- Tỷ lệ ấp, tổ đạt tiêu chuẩn ấp văn hóa: 100% (8/8 ấp)

d) Môi trường

- Số công trình cấp nước sinh hoạt tập trung: 0 công trình.

- Tỷ lệ hộ sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh: 100%.

- Tỷ lệ hộ có đủ 3 công trình (nhà tắm, hố xí, bể nước) đạt chuẩn: 80%.
- Tỷ lệ hộ có cơ sở chăn nuôi hợp vệ sinh (hầm biogas, xử lý nước thải,...): 60%.
- Xử lý rác thải có thu gom là 70% (2.261 hộ).
- Tỷ lệ cơ sở sản xuất đạt tiêu chuẩn môi trường: 70%.
- Nghĩa trang: Hiện trên địa bàn xã có 6 nghĩa trang tại 6 ấp nhưng chưa được quy hoạch, chưa có cơ chế quản lý.

5. Hệ thống chính trị và tình hình an ninh trật tự - xã hội

a) Hệ thống chính trị của xã

- Hệ thống chính trị của xã đạt chuẩn.
- Xã có đầy đủ các tổ chức chính trị - xã hội. Các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động ổn định.
- Toàn xã hiện có 217 đảng viên. Trong đó đội ngũ cán bộ cấp xã có 35 đồng chí. Đảng bộ xã đạt trong sạch vững mạnh.
- Đội ngũ công nhân viên chức của Ủy ban nhân dân xã: 38 người.

b) Tình hình an ninh trật tự xã hội trên địa bàn

Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn xã ổn định. Địa bàn luôn được giữ vững, thực hiện tốt kế hoạch tấn công các loại tội phạm. Bảo vệ tốt các ngày lễ, tết, quản lý đăng ký tạm trú, tạm vắng trên địa bàn. Lực lượng dân quân tự vệ và lực lượng dự bị là 224 đồng chí. Xã có 100% ấp không có tội phạm ẩn náu, hoạt động. Quản lý tốt các đối tượng phạm pháp theo nghị định của Chính phủ.

Phần II

NỘI DUNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

TẠI XÃ TRUNG LẬP THƯỢNG - HUYỆN CỬ CHI ĐẾN NĂM 2015

I. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2015

1. Mục tiêu chung

- Xây dựng xã Trung Lập Thượng trở thành xã nông thôn mới thời kỳ Công nghiệp hóa - Hiện đại hóa thể hiện các đặc trưng: có kinh tế phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn được nâng cao; có kết cấu hạ tầng kinh tế, xã

hội hiện đại, có các hình thức sản xuất phù hợp, gắn phát triển nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ... nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở xã, thôn dưới sự lãnh đạo của Đảng.

- Xây dựng xã Trung Lập Thượng trở thành xã nông thôn mới theo phương pháp tiếp cận dựa vào nội lực và do cộng đồng địa phương làm chủ.

2. Mục tiêu cụ thể

* Hoàn thành 19/19 tiêu chí về nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia từng giai đoạn cụ thể:

- Năm 2012: có 10/19 tiêu chí đạt chuẩn (1, 3, 4, 8, 9, 13, 15, 16, 18, 19);

- Năm 2013: phấn đấu đạt 13/19 tiêu chí đạt chuẩn (tăng thêm 3 tiêu chí: 5, 12, 17);

- Năm 2014: phấn đấu đạt 15/19 tiêu chí đạt chuẩn (tăng thêm 2 tiêu chí: 6, 7);

- Năm 2015: phấn đấu đạt 19/19 tiêu chí đạt chuẩn (tăng thêm 4 tiêu chí 3, 10, 11, 14).

* Nội dung cụ thể:

- Phấn đấu đến năm 2015 thu nhập bình quân/đầu người gấp 1,5 - 1,8 lần so với khi xây dựng đề án (không thấp hơn 37 triệu đồng)

- Cơ cấu kinh tế theo hướng: Nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ theo tỷ lệ: 75% - 15% - 10%.

- Đào tạo nghề: Phấn đấu đến năm 2015 tỷ lệ lao động qua đào tạo chiếm 70% trong đó lao động nữ chiếm 40%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 70% trong đó lao động nữ chiếm 40%.

- Tỷ lệ lao động có việc làm đạt 90% (trừ lao động trong độ tuổi đang đi học tập trung tại các trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học theo quy định).

- Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn thành phố (dưới 12 triệu đồng/người/năm): giảm bình quân 3,6%/năm. Đến cuối năm 2015 tỷ lệ hộ nghèo < 2%.

- Chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng nông nghiệp đô thị hiệu quả cao, an toàn vệ sinh dịch bệnh.

- Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn với chất lượng bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại và vận chuyển hàng hóa, tiêu thụ nông sản.

- Kiên cố hóa trường, lớp, hoàn thiện các điều kiện về cơ sở vật chất trong hệ thống trường học, tiến tới hiện đại hóa các phương tiện dạy học.

- Duy trì và phát triển đời sống văn hóa ở nông thôn với 100% áp đạt tiêu chuẩn văn hóa, tỷ lệ gia đình văn hóa đạt 98%.

II. NỘI DUNG VÀ NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Quy hoạch

a) Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 1 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

b) Nội dung thực hiện: Việc quy hoạch xây dựng nông thôn mới phải theo Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-BNNPTNT-BTN&MT ngày 28 tháng 10 năm 2011 của liên Bộ Xây dựng - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch xã xây dựng nông thôn mới.

2. Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn

a) Giao thông

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 2 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Đường giao thông trục áp, liên ấp: Mở rộng, nâng cấp 11 tuyến đường với chiều dài 18,380 km.

+ Đường ngõ, xóm: Mở rộng và nâng cấp 13 tuyến đường với chiều dài 9,699 km.

+ Đường giao thông nội đồng: Mở rộng và nâng cấp 8 tuyến đường với chiều dài 14,120 km.

b) Thủy lợi

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 3 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Sửa chữa và gia cố bờ 4 tuyến kênh với tổng chiều dài 4,22 km.

+ Làm mới máng hình chữ nhật + mở rộng 10 tuyến kênh với tổng chiều dài 5,02 km.

c) Điện

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 4 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Lắp đặt mới mới 12 trạm biến áp (tổng dung lượng: 3600 KVA) và nâng cấp 30 trạm biến áp (tổng dung lượng: 1250 KVA).

+ Lắp đặt mới 2,67 Km hạ thế.

d) Trường học

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 5 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện: Xây mới Trường mầm non Trung Lập Thượng (ấp Ràng).

đ) Cơ sở vật chất văn hóa

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 6 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Nâng cấp và mở rộng 6 văn phòng ấp (Trung Hưng, Trung Bình, Ràng, Vân Hàn, Đồng Lớn, Sa Nhỏ);

+ Nâng cấp 1 đài truyền thanh (ấp Trung Bình).

e) Chợ

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 7 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung: Xây dựng cửa hàng tiện ích (ấp Trung Hiệp Thạnh).

g) Bưu điện

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện: Nâng cao các hoạt động dịch vụ bưu điện.

h) Nhà ở khu dân cư

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 9 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Chính trang: 10 - 15% nhà ở dân cư.

+ Vận động và tuyên truyền người dân có nhu cầu xây nhà mới; sửa chữa nhà thực hiện đúng quy định về kiến trúc nhà ở dân cư phù hợp với nông thôn ven đô.

+ Thực hiện chính sách hỗ trợ lãi vay chính sửa nhà ở.

3. Phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức

a) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nâng cao thu nhập

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 10 trong Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

Hướng dẫn người dân sản xuất sản phẩm có lợi thế theo hướng thị trường và hàng hoá. Nhà nước hỗ trợ đầu tư để phát triển ngành hàng đó thành sản phẩm hàng hoá của địa phương.

Khuyến khích phát triển nông nghiệp theo hướng đô thị, diện tích đất ít nhưng hiệu quả kinh tế cao, tạo cảnh quan và bảo vệ môi trường. Xã quy hoạch ổn định vùng đất sản xuất nông nghiệp để Nhà nước hỗ trợ cho quy hoạch hạ tầng kỹ thuật (đường, điện, cấp nước và xử lý chất thải...) phục vụ sản xuất, phòng chống dịch bệnh, đào tạo kiến thức cho các chủ hộ.

Tăng cường khuyến nông đối với nông dân qua các hình thức bồi dưỡng ngắn hạn, tham quan đầu bờ, bồi dưỡng kiến thức qua câu lạc bộ khuyến nông, khuyến công.

Xây dựng các mô hình sản xuất nông nghiệp đảm bảo an toàn vệ sinh dịch bệnh, môi trường và mang lại hiệu quả kinh tế cao,...

+ Cơ cấu kinh tế của xã theo hướng: Nông nghiệp: 75%; Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp: 15% - Thương mại - dịch vụ: 10%.

+ Nâng cao mức thu nhập của người dân. Phân đầu đến năm 2015 thu nhập bình quân/đầu người gấp 1,5 - 1,8 lần so với khi xây dựng đề án.

b) Giảm nghèo và an sinh xã hội

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 11 của Bộ tiêu chí quốc gia và phù hợp với đặc điểm riêng của thành phố.

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện phân đầu đến năm 2015 hoàn thành chỉ tiêu giảm nghèo theo tiêu chí mới của thành phố, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 2% vào năm 2015.

+ Thực hiện các chương trình an sinh xã hội:

* Tiếp tục thực hiện các chương trình tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng chính sách xã hội; hỗ trợ người lao động mất việc làm trong doanh nghiệp gặp khó khăn do suy giảm kinh tế; hỗ trợ kinh phí xóa nhà tạm cho người nghèo; khám chữa bệnh cho người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi; chính sách cho người có công...

* Tăng cường thực hiện chức năng giám sát phản biện xã hội của các tổ chức chính trị - xã hội, góp phần đảm bảo các chính sách an sinh xã hội của Nhà nước thực sự hỗ trợ được người nghèo và các đối tượng chính sách.

c) Tỷ lệ lao động có việc làm

- Mục tiêu: Tiếp tục phấn đấu hoàn thành tiêu chí số 12 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Địa phương liên kết chặt chẽ với trường dạy nghề trên địa bàn huyện và với các doanh nghiệp nhằm có định hướng đào tạo công nhân kỹ thuật để giải quyết lao động.

+ Đào tạo nghề cấp chứng chỉ, tập huấn kỹ thuật sản xuất cho nông dân, kỹ năng khuyến nông cho cán bộ khuyến nông cơ sở, nông dân giỏi.

+ Đẩy mạnh hợp tác, liên kết giữa các cơ quan quản lý Nhà nước, các doanh nghiệp, Trường đại học, Viện nghiên cứu... với nông dân, hộ sản xuất trong công tác chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, giống mới, công nghệ sau thu hoạch.

+ Đào tạo và nâng cao trình độ quản lý, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật nông nghiệp của xã.

d) Hình thức tổ chức sản xuất

- Mục tiêu: Tiếp tục giữ vững và nâng chất tiêu chí số 13 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Củng cố 1 tổ hợp tác trồng trọt, 1 tổ hợp tác rau an toàn. Thành lập thêm 1 tổ hợp tác rau sạch, 1 tổ hợp tác bò sữa.

+ Tuyên truyền, vận động nhằm giúp người nông dân nắm bắt được chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước về kinh tế tập thể.

+ Bồi dưỡng, đào tạo: các chức danh tổ trưởng tổ hợp tác, chủ nhiệm, ban quản trị phải được nâng cao về năng lực quản lý.

+ Hỗ trợ cơ sở vật chất ban đầu như trang thiết bị phục vụ thông tin liên lạc, đào tạo, trao đổi, cập nhật thông tin (điện thoại, máy fax, máy vi tính, máy in).

+ Hỗ trợ để mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất - kinh doanh, dịch vụ của các tổ chức kinh tế tổ hợp tác, hợp tác xã thông qua:

* Hỗ trợ điều kiện sản xuất như kho chứa, nhà sơ chế - bảo quản, công nghệ, thực hiện chế biến nông sản.

* Hỗ trợ kỹ thuật: tạo điều kiện cho xã viên tiếp cận và ứng dụng tiên bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới vào sản xuất kinh doanh, nhằm tăng năng suất chất lượng sản phẩm và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần.

* Hỗ trợ về thông tin thị trường và xúc tiến thương mại.

* Tham quan học tập mô hình sản xuất hiệu quả.

4. Giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường

a) Giáo dục

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới.

- Nội dung thực hiện:

+ Xã phối hợp với các đoàn thể nắm bắt các trường hợp trẻ em bỏ học và kịp thời có sự hỗ trợ, động viên các em đến trường. Đảm bảo 100% trẻ em trong độ tuổi đến trường được học tập. Đồng thời, vận động các nguồn tài trợ để nâng cao số lượng và chất lượng các suất học bổng khuyến học giành cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn và có thành tích học tốt.

+ Quan tâm đào tạo nghề cho người lao động, dưới nhiều hình thức và ngành nghề phù hợp với đặc thù địa phương.

+ Phân nguồn lao động trên địa bàn xã thành 3 nhóm và đưa ra những hình thức đào tạo cụ thể cho từng nhóm lao động : nhóm chuyển dịch lao động ra khỏi sản xuất nông nghiệp; nhóm lao động trong lĩnh vực nông nghiệp và nhóm là chủ các doanh nghiệp đóng trên địa bàn xã. Bên cạnh việc đào tạo theo trường lớp cần mở rộng hình thức trao đổi, đối thoại, giao lưu giữa các tổ ngành nghề với doanh nghiệp.

b) Y tế

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 15 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW về củng cố, tăng cường và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở; phát triển mạng lưới nhân viên sức khỏe cộng đồng; phát huy vai trò mạng lưới y tế cơ sở trong chăm sóc y tế cho người nghèo.

+ Hỗ trợ các hình thức bảo hiểm y tế theo quy định.

c) Xây dựng đời sống văn hóa phong phú lành mạnh

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 16 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Đẩy mạnh, tăng cường công tác tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức của cán bộ hội, đoàn thể của xã và nhân dân về ý nghĩa của phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, làm cho phong trào càng phát triển sâu rộng, góp phần làm chuyển biến tích cực đến đời sống kinh tế, xã hội trên địa bàn.

+ Thực hiện nghiêm Chi thị số 27-CT/TW ngày 12 tháng 8 năm 1998 của Bộ Chính trị và quy chế thực hiện văn minh trong tiệc cưới, lễ tang, lễ hội... Thực hiện tốt chính sách về người nghèo...

+ Triển khai dần từng bước nâng cao chất lượng các phong trào: gia đình văn hóa, ấp văn hóa, gương người tốt, việc tốt.

d) Bảo vệ và phát triển môi trường nông thôn

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí số 17 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tăng cường các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân thực hiện tốt các quy định về vệ sinh môi trường và phòng chống ô nhiễm môi trường sản xuất (nông nghiệp và ngành nghề nông thôn). Thường xuyên thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường trên địa bàn xã và có kế hoạch giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường.

+ Đẩy mạnh công tác kiểm tra môi trường, kịp thời phát hiện những yếu tố gây nguy hại tới môi trường và sức khỏe người dân, đặc biệt là lao động và đề xuất cơ chế, chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất theo hướng sạch, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Vận động triển khai tổ chức “Hội thi môi trường Xanh - Sạch - Đẹp”, kết hợp trồng cây xanh trên các trục đường đã được quy hoạch trên quy mô xã.

+ Tuyên truyền về nước sạch và vệ sinh môi trường trong cộng đồng dân cư và vận động nhân dân định kỳ tổng vệ sinh trên địa bàn toàn xã.

5. Hệ thống chính trị và an ninh trật tự xã hội

a) Củng cố, nâng cao chất lượng và vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở

- Mục tiêu: Đạt yêu cầu tiêu chí 18 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ Tổ chức đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức đạt chuẩn để không ngừng đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới. Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung, tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã và phải hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16 tháng 01 năm 2004 và Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2012 của Bộ Nội vụ.

+ Cán bộ xã đạt chuẩn phải đảm bảo tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã; Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “Trong sạch, vững mạnh”; Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đều đạt danh hiệu tiên tiến trở lên theo quy định của từng tổ chức.

+ Thực hiện các chính sách khuyến khích, thu hút cán bộ trẻ đã được đào tạo, đủ tiêu chuẩn về công tác ở các xã để nhanh chóng chuẩn hoá đội ngũ cán bộ xã;

+ Hoàn thiện bộ máy chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng nông thôn mới, tiếp tục đổi mới thiết chế dân chủ cơ sở, củng cố và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân và nâng cao sức mạnh của hệ thống chính trị ở nông thôn. Đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ địa phương có đủ kiến thức, năng lực và phẩm chất đạo đức để vận hành tốt nhiệm vụ.

b) An ninh chính trị và trật tự xã hội nông thôn

- Mục tiêu: Duy trì đạt yêu cầu tiêu chí số 19 của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

- Nội dung thực hiện:

+ An ninh xã hội tiếp tục được giữ vững, ổn định. Thực hiện có hiệu quả các chương trình hành động của Huyện ủy về tăng cường lãnh đạo đấu tranh phòng chống tội phạm, thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng “âm mưu diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, đảm bảo giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội, thường xuyên phát động phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc;

+ Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước ở địa phương và vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, giải quyết tốt khiếu nại tố cáo, không xảy ra tình trạng khiếu kiện đông người hoặc xảy ra điểm nóng.

III. DỰ KIẾN KINH PHÍ VÀ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

A. Tổng kinh phí đầu tư, hỗ trợ để thực hiện Đề án nông thôn mới xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi, dự kiến: 250.871 triệu đồng, gồm:

1. Vốn đầu tư cho xây dựng cơ bản: 136.354 triệu đồng (chiếm 54,35%)
2. Vốn sự nghiệp hỗ trợ cho các hoạt động trên địa bàn xã: 114.517 triệu đồng (chiếm 45,65%).

B. Nguồn vốn

1. Vốn từ Ngân sách nhà nước: **117.248** triệu đồng, chiếm 46,74%; trong đó:
 - + Vốn nông thôn mới: 96.668 triệu đồng, chiếm 38,53%.
 - + Vốn lồng ghép: 20.580 triệu đồng:
 - * Vốn tập trung: 0 triệu đồng;
 - * Vốn phân cấp huyện: 0 triệu đồng;
 - * Vốn sự nghiệp: 20.580 triệu đồng.
2. Vốn cộng đồng: **85.756** triệu đồng, chiếm 34,18%; trong đó:
 - + Vốn dân: 69.743 triệu đồng.
 - + Vốn doanh nghiệp: 16.014 triệu đồng.
3. Vốn tín dụng: **47.867** triệu đồng.
 - * Vốn đầu tư các nguồn được xác định cụ thể theo chương trình, dự án được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. **Thời gian thực hiện đề án:** từ nay đến hết năm 2015.
2. **Quy mô và khối lượng thực hiện:** theo các biểu đính kèm.
3. **Phương châm và nguyên tắc đầu tư, hỗ trợ**
 - Phát huy nội lực của địa phương là chính, đảm bảo sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ sự hỗ trợ của Trung ương và Thành phố, đáp ứng nhu cầu đầu tư, giúp đỡ của các doanh nghiệp.

- Phát huy dân chủ, công khai trong cộng đồng dân cư, khẩn trương, đồng bộ và chặt chẽ trong thủ tục hành chính và đầu tư.

a) Cơ chế huy động và quản lý các nguồn vốn:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 695/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi nguyên tắc cơ chế hỗ trợ vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC, ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Thực hiện theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020.

b) Quản lý đầu tư và xây dựng:

- Thực hiện theo Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ, phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Quyết định số 15/2011/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Chương trình mục tiêu về xây dựng nông thôn mới trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2010 - 2020;

- Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 13 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Kế

hoạch và Đầu tư - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Vận dụng theo Thông tư số 28/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 02 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về quản lý vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách xã, phường, thị trấn.

4. Phân công thực hiện

a) Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Thượng, Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới huyện Củ Chi và Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung Lập Thượng

- Tập trung triển khai các hoạt động tuyên truyền, vận động nhân dân, Đảng viên, cán bộ, công chức quán triệt chủ trương của Trung ương và thành phố về chương trình xây dựng mô hình nông thôn mới tại xã; vận động cơ sở sản xuất kinh doanh, các doanh nghiệp và nhân dân tích cực hưởng ứng tham gia và đóng góp hỗ trợ để thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã.

- Thực hiện theo đúng nội dung của Đề án được phê duyệt, không được thay đổi nội dung của Đề án khi chưa được chấp thuận của Ban chỉ đạo xây dựng nông thôn mới thành phố và Ủy ban nhân dân thành phố.

- Phân công các Phòng, ban, đơn vị chức năng của huyện, cán bộ chuyên môn của xã tham gia, hỗ trợ Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung Lập Thượng xây dựng kế hoạch tổng thể thực hiện đề án giai đoạn 2013 - 2015, xây dựng kế hoạch cụ thể từng năm đảm bảo tiến độ và mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới.

- Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo đúng quy định hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

b) Các Sở, ngành thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố

- Phân công cán bộ, công chức theo dõi, hướng dẫn, hỗ trợ Ban quản lý xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi chuẩn bị và thực hiện, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí của ngành trên địa bàn xã.

- Chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện các chương trình mục tiêu của Trung ương và thành phố do Sở, ngành phụ trách trên địa bàn xã.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì hướng dẫn Ủy ban nhân dân xã Trung Lập Thượng và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung Lập Thượng triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới theo Đề án được phê duyệt.

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc hướng dẫn, hoàn tất thẩm định quy hoạch chung, quy hoạch chuyên ngành, quy hoạch hạ tầng thiết yếu (theo phân công, phân cấp) của huyện Củ Chi và xã Trung Lập Thượng; tổ chức giám sát việc công bố, công khai các quy hoạch được phê duyệt.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ban Quản lý xây dựng nông thôn mới xã Trung Lập Thượng cân đối, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết và bố trí vốn ngân sách tập trung, vốn phân cấp hàng năm (2013 - 2015), đảm bảo tiến độ đầu tư, hoàn thành các tiêu chí về hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn xã Trung Lập Thượng.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Kho bạc nhà nước, các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Ban quản lý xây dựng nông thôn mới Trung Lập Thượng, đề xuất và dự thảo văn bản trình Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung, giao kế hoạch kinh phí sự nghiệp chi thường xuyên để thực hiện các hoạt động, đảm bảo tiến độ thực hiện các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Trung Lập Thượng.

c) Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các chương trình, dự án, các tiêu chí quốc gia về nông thôn mới trên địa bàn xã Trung Lập Thượng, huyện Củ Chi; định kỳ hàng tháng báo cáo Ban Chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới thành phố, Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện; tham mưu, đề xuất, giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện; chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để thành phố tổ chức sơ kết hàng năm, tổng kết đánh giá kết quả thực hiện xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Mạnh Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6039/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Về phân công công tác các thành viên Ủy ban nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2011 - 2016**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 107/2004/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ quy định số lượng Phó Chủ tịch và cơ cấu thành viên Ủy ban nhân dân các cấp đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 27/2009/NĐ-CP ngày 19 tháng 3 năm 2009 và Nghị định số 36/2011/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1135/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn việc bầu thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2011 - 2016;

Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn việc bầu thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2011 - 2016;

Căn cứ Quyết định số 1451/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn việc bầu bổ sung thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2011 - 2016;

Căn cứ Quyết định số 1939/QĐ-TTg ngày 22 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê chuẩn việc bầu bổ sung thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2011 - 2016;

Căn cứ Quyết định số 55/2011/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2011 - 2016,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Nguyên tắc phân công và quan hệ công tác giữa Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố**

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố là người lãnh đạo chung và điều hành công việc của Ủy ban nhân dân thành phố, chịu trách nhiệm cá nhân về thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định tại Điều 127, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003 và những vấn đề khác mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định; cùng tập thể Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm về hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố trước Hội đồng nhân dân thành phố và trước cơ quan Nhà nước cấp trên.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phân công các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo, giải quyết các công việc hàng ngày trong từng lĩnh vực công tác của Ủy ban nhân dân thành phố; ngoại trừ các công việc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp chỉ đạo, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố sử dụng quyền hạn của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố để giải quyết các công việc thuộc phạm vi được phân công.

3. Trong phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ được giao, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chủ động giải quyết công việc thuộc lĩnh vực được phân công. Khi vấn đề có liên quan đến lĩnh vực công tác của các Phó Chủ tịch khác thì trực tiếp trao đổi, chủ động phối hợp để giải quyết. Trường hợp vấn đề cần có ý kiến của Chủ tịch hoặc giữa các Phó Chủ tịch có ý kiến khác nhau thì Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đang phụ trách giải quyết công việc đó báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

4. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm cá nhân về các quyết định liên quan đến việc thực hiện các công việc được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phân công trước Hội đồng nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời, cùng các thành viên khác của Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố trước Hội đồng nhân dân thành phố và trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

5. Hàng tuần, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố họp giao ban để xem xét, giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh,

chủ trương, chính sách, kiến nghị của cơ sở và các công việc cần tập trung chỉ đạo. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định các vấn đề đưa ra giao ban. Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tổng hợp tình hình công việc được phân công, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tại cuộc họp giao ban của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp hoặc ủy nhiệm cho Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng Sở, ban ngành chủ trì đề án báo cáo các nội dung công việc được phân công.

6. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và công việc, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố có các cuộc họp Ủy ban để góp ý kiến về nội dung các đề án quan trọng trình Chính phủ, Thành ủy, Hội đồng nhân dân thành phố.

7. Trong trường hợp cần thiết, hoặc khi Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố vắng mặt thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố trực tiếp giải quyết hoặc phân công Phó Chủ tịch khác giải quyết công việc thay Phó Chủ tịch vắng mặt.

Điều 2. Nội dung phân công đối với Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố

Trong phạm vi lĩnh vực được phân công, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố có quyền hạn:

1. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện xây dựng và tổ chức thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, các cơ chế, chính sách, đề án phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, phù hợp với các văn bản chỉ đạo của cấp trên và tình hình thực hiện của địa phương, bảo đảm tính khả thi, hiệu quả cao.

2. Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước; các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố; Quyết định, Chỉ thị của Ủy ban nhân dân thành phố thuộc lĩnh vực mình phụ trách; phát hiện và đề xuất những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung. Nếu phát hiện các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân quận - huyện ban hành văn bản, việc làm trái với quy định của pháp luật của Nhà nước, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố được quyền thay mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đình chỉ việc thi hành văn bản, việc làm sai trái đó; đồng thời đề ra các biện pháp xử lý kịp thời và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Giải quyết những vấn đề phát sinh hàng ngày thuộc phạm vi mình phụ trách; xin ý kiến Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố để xử lý những vấn đề thuộc về cơ chế, chính sách chưa được cơ quan có thẩm quyền quy định hoặc những vấn đề quan trọng khác; giải quyết các vấn đề liên ngành mà Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đoàn thể chưa thống nhất được ý kiến.

4. Theo dõi công tác tổ chức và cán bộ, chỉ đạo xử lý những vấn đề nội bộ trong các cơ quan thuộc lĩnh vực được Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phân công phụ trách.

5. Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố không xử lý các vấn đề ngoài phạm vi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phân công và những vấn đề không thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Nội dung phân công đối với Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố

Trong phạm vi lĩnh vực được phân công, Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố có quyền hạn:

1. Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phân công phụ trách một số lĩnh vực cụ thể, thay mặt Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện giải quyết công việc thuộc lĩnh vực công tác mình phụ trách; chịu trách nhiệm cá nhân trước Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về kết quả công việc được phân công phụ trách.

2. Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết hoặc xem xét đề trình Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết theo thẩm quyền các đề nghị của các cơ quan chuyên môn, cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy ban nhân dân quận - huyện về vấn đề thuộc phạm vi quản lý ngành, lĩnh vực công tác mình phụ trách.

3. Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố tham gia ý kiến với các thành viên khác của Ủy ban nhân dân thành phố để xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền của thành viên đó, có liên quan đến chức năng của ngành, lĩnh vực mình phụ trách; tham gia giải quyết công việc của tập thể Ủy ban nhân dân thành phố, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố; thực hiện các nhiệm vụ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền và báo cáo kết quả công việc với Ủy ban nhân dân thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên

họp thường kỳ hoặc bất thường của Ủy ban nhân dân thành phố; thảo luận và biểu quyết những vấn đề được đưa ra phiên họp hoặc Phiếu lấy ý kiến, đóng góp trực tiếp vào văn bản.

5. Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố được Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin về hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 4. Phân công nhiệm vụ cụ thể

1. Đồng chí Lê Hoàng Quân - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Bí thư Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Chỉ đạo, điều hành và quản lý chung mọi hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố; lãnh đạo các thành viên Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện. Lãnh đạo công tác an ninh - nội chính; công tác cải cách hành chính; công tác đối ngoại.

b) Trực tiếp chỉ đạo các lĩnh vực:

- Chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch đô thị, dự toán ngân sách Nhà nước hàng năm và dài hạn của thành phố; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm;

- Công tác tổ chức - cán bộ;

- An ninh, nội chính;

- Công tác thanh tra;

- Công tác kế hoạch và đầu tư.

c) Trực tiếp chỉ đạo các chương trình, công trình: Chương trình Cải cách hành chính, chống quan liêu; Chương trình Phòng, chống tham nhũng; Công trình Xây dựng Khu Công nghệ cao.

d) Trực tiếp làm Trưởng các Ban chỉ đạo theo các lĩnh vực có liên quan; Trưởng Ban Chỉ đạo Phòng không nhân dân; Chủ tịch Hội đồng Thi đua khen thưởng thành phố; Chủ tịch Hội đồng nghĩa vụ quân sự thành phố; Chủ tịch Hội đồng Giáo dục Quốc phòng - An ninh.

đ) Trực tiếp chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nội vụ, Thanh tra thành phố, Công an thành phố, Bộ Tư lệnh thành phố, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng thành phố,

Viện Nghiên cứu phát triển, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao, Ban Quản lý Khu đô thị mới Thủ Thiêm; phối hợp chỉ đạo Cục Thống kê thành phố.

e) Theo dõi Quận 11, huyện Cần Giờ.

2. Đồng chí Hứa Ngọc Thuận - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy viên Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Trực tiếp phụ trách các lĩnh vực:

- Giáo dục và đào tạo;
- Văn hóa, thể dục thể thao;
- Xuất bản - Báo chí;
- Y tế, quản lý dược;
- Lao động - Thương binh và xã hội;
- Công tác tư pháp;
- Công tác tôn giáo - dân tộc;
- Công tác người Hoa;
- Công tác xóa đói giảm nghèo, tăng hộ khá;
- Công tác thi đua - khen thưởng;
- Chỉ đạo thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, cơ quan và doanh nghiệp Nhà nước;
- Đồng Chủ tịch Hội đồng Đại học Thành phố Hồ Chí Minh;
- Xét duyệt các dự án đầu tư trong nước thuộc lĩnh vực và đơn vị phụ trách;
- Giải quyết những trường hợp khiếu nại, tố cáo có liên quan đến lĩnh vực được

phân công.

- Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo các chương trình: Chương trình cải cách hành chính gắn với mục tiêu xây dựng chính quyền đô thị, Chương trình phòng, chống tham nhũng, Chương trình cải cách tư pháp, Chương trình mục tiêu 3 giảm; đồng thời theo dõi công tác cải cách hành chính; công tác đối ngoại, hợp tác với các thành phố nước ngoài có thiết lập quan hệ hữu nghị với Thành phố Hồ Chí Minh; theo dõi chỉ đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Trực tiếp chỉ đạo các chương trình, công trình: Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; Công trình Khu tưởng niệm các Vua Hùng trong Công viên Lịch sử Văn hóa Dân tộc.

c) Trưởng các Ban chỉ đạo theo các lĩnh vực có liên quan. Trưởng Ban Vì sự tiến bộ phụ nữ và Bình đẳng giới; Trưởng Ban chỉ đạo giảm hộ nghèo - tăng hộ khá, Trưởng Ban chỉ đạo về vệ sinh an toàn thực phẩm, Chủ tịch Ủy ban phòng chống AIDS.

d) Trực tiếp chỉ đạo Sở Ngoại vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc, Ban Tôn giáo, Ban Thi đua - Khen thưởng (Sở Nội vụ), Lực lượng Thanh niên xung phong, Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị, Liên hiệp các Hội văn học nghệ thuật, Trường Cán bộ thành phố, Ủy ban về Người Việt Nam ở nước ngoài, Tổng Công ty Văn hóa Sài Gòn - TNHH một thành viên, Công ty TNHH một thành viên Dược Sài Gòn, Công ty Dịch vụ cơ quan nước ngoài (FOSCO); phối hợp chỉ đạo Bảo hiểm xã hội, Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố, Đài Truyền hình thành phố, Đài Tiếng nói nhân dân thành phố, Văn phòng Tiếp công dân thành phố.

đ) Quan hệ phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội nghề nghiệp; Viện Kiểm sát nhân dân thành phố, Tòa án nhân dân thành phố.

e) Theo dõi các Quận 8 và huyện Nhà Bè.

3. Đồng chí Nguyễn Thị Hồng - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy viên Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Trực tiếp phụ trách các lĩnh vực:

- Tài chính - ngân sách; ngân hàng;

- Thuế;

- Quản lý công sản;

- Thương mại (kể cả công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại), dịch vụ (bao gồm dịch vụ du lịch, tài chính - ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn và các dịch vụ khác);

- Xét duyệt các dự án đầu tư trong nước thuộc lĩnh vực và đơn vị phụ trách;

- Giải quyết những trường hợp khiếu nại, tố cáo có liên quan đến lĩnh vực được phân công.

b) Trực tiếp chỉ đạo các chương trình, công trình: Chương trình Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Chương trình Hội nhập Kinh tế quốc tế; Chương trình người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam; Chương trình bình ổn thị trường các mặt

hàng thiết yếu; Chương trình phát triển bán buôn, bán lẻ; Chương trình phát triển thương mại điện tử; Chương trình tạo nguồn hàng thiết yếu và bình ổn thị trường.

c) Trực tiếp làm nhiệm vụ Trưởng Ban chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố về công tác hội nhập kinh tế quốc tế và tham gia Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO); Trưởng các Ban chỉ đạo theo các lĩnh vực có liên quan.

d) Trực tiếp chỉ đạo Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước thành phố, Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư, Liên hiệp Hợp tác xã thương mại (Sài Gòn Co-op), Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn - TNHH một thành viên, Tổng Công ty Du lịch Sài Gòn - TNHH một thành viên, Tổng Công ty Bến Thành - TNHH một thành viên, Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố, Công ty TNHH một thành viên Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn; Công ty TNHH một thành viên Vàng bạc đá quý thành phố, các Công ty Kiểm toán thuộc thành phố; phối hợp chỉ đạo chi nhánh Ngân hàng Nhà nước thành phố, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố, Cục Hải quan và các Công ty bảo hiểm trên địa bàn.

đ) Theo dõi Quận 1, quận Gò Vấp.

4. Đồng chí Nguyễn Hữu Tín - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy viên Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Trực tiếp phụ trách các lĩnh vực:

- Xây dựng; Quản lý đất đai;

- Giao thông - công chính, vận tải;

- Tài nguyên và môi trường;

- Quản lý nhà (nhà công vụ, nhà thương mại, nhà xã hội);

- Công tác phòng cháy, chữa cháy.

- Xét duyệt các dự án đầu tư trong nước thuộc lĩnh vực và đơn vị phụ trách;

- Công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và trực tiếp giải quyết những trường hợp khiếu nại, tố cáo có liên quan đến lĩnh vực được phân công.

b) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi và chỉ đạo công tác quy hoạch - kiến trúc đô thị, Công trình xây dựng Khu Đô thị mới Thủ Thiêm; trực tiếp chỉ đạo Chương trình nhà ở, Chương trình xử lý rác; Chương trình giảm ngập nước, Chương trình nước sạch cho sinh hoạt của nhân dân nội thành và ngoại thành; Chương trình giảm ùn tắc giao thông; Chương trình giảm ô nhiễm môi trường; các dự

án về kết cấu hạ tầng kỹ thuật và một số công trình trọng điểm như: Công trình Đại lộ Đông Tây; đường hầm Thủ Thiêm; hệ thống Metro; dự án vệ sinh môi trường (lưu vực Nhiêu Lộc - Thị Nghè); dự án môi trường nước thành phố (Kênh Đôi - Kênh Tẻ, Tàu Hũ)...

c) Trưởng các Ban chỉ đạo theo các lĩnh vực có liên quan.

d) Trực tiếp chỉ đạo Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Xây dựng, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy; Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc, Ban Quản lý Khu Nam, Khu đô thị Cảng Hiệp Phước, Ban Quản lý Đường sắt đô thị, Trung tâm quản lý hạ tầng ngầm thành phố; Quỹ Phát triển nhà ở thành phố; Công ty TNHH Một thành viên Quản lý kinh doanh nhà thành phố, Công ty TNHH Một thành viên Thoát nước đô thị, Công ty TNHH Một thành viên Công trình giao thông Sài Gòn, Công ty TNHH Một thành viên Công viên Cây xanh, Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng công cộng; Tổng Công ty Xây dựng Sài Gòn - TNHH một thành viên, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - TNHH một thành viên, Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn - TNHH một thành viên; phối hợp chỉ đạo các ga đường sắt (thuộc Cục Đường sắt Việt Nam), các cảng sông, cảng biển, sân bay Tân Sơn Nhất.

đ) Theo dõi Quận 2 và huyện Hóc Môn.

5. Đồng chí Lê Mạnh Hà - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy viên Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Trực tiếp phụ trách các lĩnh vực:

- Công nghiệp;
- Khoa học - công nghệ;
- Bưu chính, viễn thông, Internet, công nghệ thông tin;
- Khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;
- Các khu chế xuất, khu công nghiệp và cụm công nghiệp;
- Công tác sắp xếp đổi mới doanh nghiệp nhà nước; công tác đăng ký kinh doanh, quản lý doanh nghiệp sau đăng ký (doanh nghiệp ngoài Nhà nước)
- Quan hệ hợp tác với các tỉnh, thành phố trong nước;
- Xét duyệt các dự án đầu tư trong nước thuộc lĩnh vực và đơn vị phụ trách. Xét duyệt tất cả các dự án đầu tư nước ngoài trên địa bàn thành phố.

- Giải quyết những trường hợp khiếu nại, tố cáo có liên quan đến lĩnh vực được phân công.

b) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố theo dõi chỉ đạo Công trình Khu Công nghệ cao. Trực tiếp chỉ đạo các Chương trình Hỗ trợ Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế thành phố; Chương trình đổi mới và sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước.

c) Trưởng các Ban chỉ đạo theo các lĩnh vực có liên quan.

d) Trực tiếp chỉ đạo Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Thông tin và Truyền thông; Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp, Ban Quản lý các Khu Chế xuất và Công nghiệp, Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật, Hiệp hội Doanh nghiệp; Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH một thành viên, Tổng Công ty Công nghiệp - In - Bao bì Liksin - TNHH một thành viên, Tổng Công ty Cơ khí - Giao thông vận tải Sài Gòn - TNHH một thành viên, Công ty TNHH một thành viên Phát triển công nghiệp Tân Thuận, Công ty TNHH một thành viên Dệt may Gia Định, Công ty TNHH một thành viên phát triển Công viên Phần mềm Quang Trung; phối hợp chỉ đạo Tổng Công ty Điện lực, các Tổng Công ty, doanh nghiệp công nghiệp Trung ương trên địa bàn, Bưu điện thành phố, Viễn thông thành phố.

đ) Theo dõi Quận 4 và quận Bình Thạnh.

6. Đồng chí Lê Thanh Liêm - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy viên Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Trực tiếp phụ trách các lĩnh vực:

- Nông nghiệp và phát triển nông thôn, thủy lợi; phòng, chống lụt bão, cứu hộ, cứu nạn;

- Khu vực kinh tế tập thể về nông nghiệp;

- Xét duyệt các dự án đầu tư trong nước thuộc lĩnh vực và đơn vị phụ trách;

- Giải quyết những trường hợp khiếu nại, tố cáo có liên quan đến lĩnh vực được phân công.

b) Trực tiếp làm nhiệm vụ Trưởng các Ban chỉ đạo theo các lĩnh vực có liên quan.

c) Trực tiếp chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Liên minh các Hợp tác xã, Ban Quản lý Khu Nông nghiệp công nghệ cao; Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn - TNHH một thành viên.

d) Giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình giống cây, giống con chất lượng cao, Chương trình thực hiện Kế hoạch ứng phó với biến đổi khí hậu.

đ) Phối hợp thực hiện Chương trình giảm ngập nước nội thành và ngoại thành.

e) Theo dõi huyện Củ Chi và huyện Bình Chánh.

7. Đồng chí Nguyễn Chí Thành - Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Giữ chức vụ Giám đốc Công an thành phố.

b) Chịu trách nhiệm cá nhân về phần công việc được phân công trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố; cùng các thành viên khác chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố trước Hội đồng nhân dân thành phố và trước cấp trên.

c) Theo dõi Quận 12, quận Phú Nhuận.

8. Đồng chí Trương Văn Hai - Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Giữ chức vụ Tư lệnh Bộ Tư lệnh thành phố.

b) Chịu trách nhiệm cá nhân về công tác được phân công trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố; cùng các thành viên khác chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố trước Hội đồng nhân dân thành phố và trước cấp trên.

c) Theo dõi quận Tân Phú, quận Tân Bình.

9. Đồng chí Võ Văn Luận - Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy viên Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Giữ chức vụ Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Là Người phát ngôn của Ủy ban nhân dân thành phố, được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố giao nhiệm vụ phát ngôn với báo chí về các chủ trương, chính sách, quyết định quan trọng của Ủy ban nhân dân thành phố, về các công việc chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố và các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật.

c) Chịu trách nhiệm cá nhân về công tác được phân công trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố; cùng các thành viên khác chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố trước Hội đồng nhân dân thành phố và trước cấp trên.

d) Theo dõi Quận 3, Quận 6.

10. Đồng chí Trương Văn Lắm - Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố, Ủy viên Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Giữ chức vụ Giám đốc Sở Nội vụ.

b) Chịu trách nhiệm cá nhân về công tác được phân công trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố; cùng các thành viên khác chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố trước Hội đồng nhân dân thành phố và trước cấp trên.

c) Theo dõi quận Bình Tân.

11. Đồng chí Tất Thành Cang - Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Giữ chức vụ Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

b) Chịu trách nhiệm cá nhân về công tác được phân công trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố; cùng các thành viên khác chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố trước Hội đồng nhân dân thành phố và trước cấp trên.

c) Theo dõi Quận 9.

12. Đồng chí Thái Văn Rê - Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Giữ chức vụ Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

b) Chịu trách nhiệm cá nhân về công tác được phân công trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố; cùng các thành viên khác chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố trước Hội đồng nhân dân thành phố và trước cấp trên.

c) Theo dõi Quận 7, quận Thủ Đức.

13. Đồng chí Đào Thị Hương Lan - Ủy viên Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Giữ chức vụ Giám đốc Sở Tài chính.

b) Chịu trách nhiệm cá nhân về công tác được phân công trước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố; cùng các thành viên khác chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Ủy ban nhân dân thành phố trước Hội đồng nhân dân thành phố và trước cấp trên.

c) Theo dõi Quận 5, Quận 10.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 3888/QĐ-UBND ngày 16 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về phân công công tác các thành viên Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh nhiệm kỳ 2011 - 2016.

Điều 6. Các Thành viên Ủy ban nhân dân thành phố nhiệm kỳ 2011 - 2016, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Thủ trưởng các Sở, ban ngành, đoàn thể thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng